

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2020

**KẾ HOẠCH THỰC TẬP VÀ VIẾT BÁO CÁO TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 (C17) VÀ ĐỢT 1 (C18) NĂM 2020 ĐỐI VỚI SINH VIÊN CÁC KHÓA
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bàn hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ/DHTCM ngày 06/03/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing về việc “Ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing”;

Căn cứ Thông báo số 1256/TB-DHTCM-QLĐT ngày 14/09/2020 của Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing về việc đăng ký làm thực tập tốt nghiệp đợt 2 năm 2020 (Khóa C17) và đợt 1 năm 2020 (Khóa C18), xét công nhận tốt nghiệp tháng 01/2021 đối với sinh viên các khóa trình độ cao đẳng hệ chính quy.

Khoa Du lịch xây dựng và triển khai kế hoạch thực tập tốt nghiệp đợt 2 (C17) và đợt 1 (C18) năm 2020 đối với sinh viên các khóa bậc cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ chuyên ngành Quản trị khách sạn như sau:

1. MỤC TIÊU

Mục tiêu của chương trình thực tập tốt nghiệp (TTTN) nhằm giúp cho sinh viên:

- Củng cố, ôn luyện và mở rộng những kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào công tác thực tiễn tại đơn vị, doanh nghiệp thông qua việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề nghiệp vụ.
- Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tiếp cận với hoạt động quản trị khách sạn và nhà hàng trong thực tế để thực hành công việc sau khi tốt nghiệp.



2. YÊU CẦU

- Trong thời gian thực tập và viết báo cáo TTTN, sinh viên phải thực hiện đúng các quy định của Nhà trường, Khoa Du lịch, sự hướng dẫn của giảng viên; nội quy, quy chế làm việc của đơn vị thực tập.
- Sinh viên chủ động liên hệ đơn vị thực tập, sinh viên được cấp giấy giới thiệu của Trường để liên hệ đơn vị thực tập và nộp bản sao minh chứng tiếp nhận sinh viên của đơn vị thực tập cho giảng viên hướng dẫn (GVHD) (nếu cần) trong 2 tuần thực tập đầu tiên.
- Sinh viên phải tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nghề nghiệp, tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập thuộc lĩnh vực ngành/chuyên ngành đào tạo để lựa chọn đề tài báo cáo và thực hiện các nội dung báo cáo.
- Sinh viên thực tập tốt nghiệp phải áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để thu thập dữ liệu có liên quan đến đề tài và viết báo cáo TTTN.
- Sinh viên biết tổng hợp, khái quát những vấn đề nghiên cứu và trình bày một cách có hệ thống.
- Sinh viên phải có nhận xét, đánh giá và đề xuất những biện pháp của mình.
- Đề tài báo cáo TTTN là đề tài cá nhân thuộc phạm vi kiến thức các học phần chuyên ngành mà các sinh viên đã học; Nội dung không được trùng lặp với đề tài thực tập nghề nghiệp mình đã làm trước đó cũng như không được trùng với nhau nếu một nhóm thực tập tại cùng một đơn vị.

3. NỘI DUNG THỰC TẬP

Sinh viên sẽ thực hiện các nội dung sau:

3.1. Tìm hiểu các hoạt động kinh doanh tại đơn vị thực tập:

- Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.
- Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức.
- Thực trạng về tình hình kinh doanh trong những năm qua.

3.2. Tìm hiểu hoạt động quản trị khách sạn - nhà hàng tại đơn vị thực tập:

- Tìm hiểu về đặc điểm và mô hình tổ chức các bộ phận trong các khách sạn, nhà hàng.
- Đặc điểm về thị trường và khách hàng của đơn vị.
- Phân tích, đánh giá hoạt động quản trị khách sạn - nhà hàng tại đơn vị.
- Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề còn tồn tại.
- Nêu ra những nhận xét hoặc kiến nghị của cá nhân đối với đơn vị thực tập.

3.3. Viết báo cáo TTTN:

Sau thời gian tìm hiểu thực tế tại đơn vị, sinh viên sẽ viết báo cáo TTTN theo đề tài đã chọn. Sinh viên chọn viết đề tài nghiên cứu theo phương pháp định lượng thì viết 5 chương, nghiên cứu định tính thì 3 chương nhưng kèm theo điều kiện của phương pháp nghiên cứu định tính là doanh nghiệp thực tập phải có thời gian hoạt động tối thiểu 3 năm. Nội dung và hình thức báo cáo tốt nghiệp được thực hiện theo mẫu của Khoa Du lịch.

4. CÁC DẠNG ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Các dạng đề tài

Sinh viên có thể lựa chọn một trong những nhóm đề tài mang tính tham khảo sau đây để viết báo cáo tốt nghiệp:

A. Lĩnh vực lễ tân khách sạn

Nghiệp vụ, quản trị và vận hành các khu vực trong bộ phận, cụ thể là:

- Khu vực đặt phòng: Sử dụng phần mềm đặt phòng, xử lý các tình huống liên quan đến đặt phòng...
- Khu vực tổng đài: Sử dụng và trả lời điện thoại, các giải pháp xử lý các cuộc gọi của khách...
- Khu vực quầy tiếp tân: Quy trình làm thủ tục nhận, trả phòng, phục vụ trong suốt thời gian khách lưu trú tại khách sạn, xử lý phản nàn...
- Khu vực Concierge (Hỗ trợ đón tiếp): Điều hành xe, cung cấp thông tin và các dịch vụ bên trong cũng như bên ngoài khách sạn...
- Khu vực quan hệ khách hàng: Kỹ năng phân phòng đặt trước, kiểm tra phòng, chăm sóc khách hàng, đón tiếp nhiều loại khách hàng khác nhau, hộ tống khách lên phòng...
- Khu vực trung tâm dịch vụ hành chính văn phòng: Các hoạt động phục vụ và làm tăng mài lực dịch vụ tại trung tâm.
- Khu vực gác cửa và phụ trách hành lý.

B. Lĩnh vực phục vụ tại bộ phận quản lý phòng khách sạn

Nghiệp vụ, quản trị và vận hành các khu vực trong bộ phận phòng (Housekeeping) , cụ thể là:

- Khu vực đồng phục và đồ vải: Thiết kế và giải pháp đồng phục cho nhân viên khách sạn, quản lý đồng phục và đồ vải, giải pháp tiết kiệm ngân sách...
- Khu vực giặt ủi: Tiết kiệm điện, nước, hóa chất, quy trình khép kín và chuyên nghiệp giao nhận đồ khách, giặt ủi đồng phục nhân viên, dịch vụ giặt ủi đồ khách bên trong và bên ngoài khách sạn ...



- Khu vực phòng: Quy trình vệ sinh phòng cho nhiều đối tượng khách khác nhau (Khách VIP, khách du lịch thuần túy lưu trú tại resort hay khách sạn, khách doanh nhân...), các giải pháp tiết kiệm nước, xử lý sinh vật gây hại trong phòng khách, giải pháp khắc phục mất mát tài sản của khách, quản lý đồ đạc mất và tìm thấy...
- Khu vực hoa: Chuẩn bị hoa đặt trong phòng khách, hoa cho tiệc, bán hoa khi khách yêu cầu, quản lý khu vực hoa...
- Vệ sinh khu vực công cộng.
- Các hoạt động phục vụ minibar trong phòng khách.
- Kinh doanh lĩnh vực housekeeping bên ngoài như tiệm giặt ủi, công ty dịch vụ cung ứng lao động giúp việc nhà, chăm sóc người bệnh, chăm sóc và đưa đón trẻ em, nhà an dưỡng...

C. Lĩnh vực dịch vụ ăn uống bên ngoài khách sạn

Nghiệp vụ, quản trị và vận hành các khu vực trong bộ phận ăn uống hay tại các cơ sở dịch vụ ăn uống bên ngoài khách sạn, cụ thể là:

- Khu vực nhà hàng ăn tự chọn: Phân chia khu vực phục vụ, đón, phục vụ và tiến khách bên trong và bên ngoài khách sạn, phân chia nhân lực phục vụ theo từng thời điểm...
- Khu vực nhà hàng Âu: Thực đơn, thu hút khách tới nhà hàng thường xuyên, kỹ năng thuyết phục bán hàng, kỹ năng phục vụ...
- Khu vực tổ chức sự kiện và hội nghị: Tổ chức nhiều loại hình sự kiện khác nhau: Tiệc cưới, hội thảo, họp, giới thiệu sản phẩm, liên hoan cuối năm, trình diễn thời trang... trang trí, trình bày thẩm mỹ, quy trình phục vụ... cho từng sự kiện.
- Khu vực phục vụ tại phòng: Xúc tiến các hoạt động bán hàng qua điện thoại, đảm bảo chất lượng món ăn và thức uống khi mang lên tới phòng khách...
- Khu vực bar: Các hoạt động tại bar hồ bơi, quầy bar, dịch vụ vui chơi giải trí trong quầy bar, kỹ năng biểu diễn pha chế thức uống, kỹ năng phục vụ chuyên nghiệp trong quầy bar.
- Khu vực bán các sản phẩm bánh kem, bánh ngọt... của khách sạn.

D. Lĩnh vực dịch vụ vui chơi giải trí

Nghiệp vụ, quản trị và vận hành các khu vực trong cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí có cung cấp dịch vụ ăn uống, cụ thể là:

- Các khu du lịch, resort, làng du lịch, khách sạn sòng bạc.

- Các địa điểm thu hút khách du lịch khác: kinh doanh lưu trú, ăn uống... tại nhà hát, bảo tàng, công viên giải trí, câu lạc bộ thể thao, sân golf...
Ngoài ra, sinh viên có thể lựa chọn các dạng đề tài khác phù hợp với sở trường của mình và theo yêu cầu của nơi thực hành.

E. Lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực

- Nghiên cứu sự phù hợp của cơ cấu tổ chức, nghiên cứu và đánh giá số lượng nhân viên và nhân sự quản lý tại một khách sạn... Cơ cấu tổ chức bộ máy trong khu du lịch, khách sạn, nhà hàng, các địa điểm thu hút khách du lịch, các cơ sở lưu trú, ăn uống và dịch vụ giải trí.
- Đào tạo tại khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, cơ sở lưu trú...
- Chính sách thu hút và đai ngộ người lao động, các yếu tố tạo động lực làm việc cho nhân sự trong khách sạn, nhà hàng...
- Nghiên cứu sự hài lòng của nhân viên đối với khách sạn.
- Quan hệ lao động trong khách sạn, nhà hàng, tinh thần đồng đội và làm việc nhóm...
- Các chính sách nhân sự trong khách sạn, nhà hàng...

F. Lĩnh vực marketing du lịch

- Các chiến lược marketing của khách sạn, nhà hàng: chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, quảng cáo – khuyến mãi, marketing mix...
- Chiến lược marketing trong các mùa thấp và cao điểm tại các khách sạn, nhà hàng.
- Chiến lược thu hút khách hàng là doanh nhân, khách đoàn, sinh viên học sinh...
- Chiến lược bán bên trong và bên ngoài khách sạn – nhà hàng.

G. Đánh giá chất lượng dịch vụ

- Xây dựng bảng câu hỏi đánh giá chất lượng dịch vụ của khách hàng:
- Đánh giá sự hài lòng của khách hàng.
- Đánh giá chất lượng dịch vụ của khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, resort...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Tiếp xúc, trao đổi trực tiếp từ cấp lãnh đạo, phụ trách bộ phận, nhân viên của đơn vị, doanh nghiệp.
- Tiếp xúc, trao đổi trực tiếp hoặc sử dụng hình thức quan sát, khảo sát, phỏng vấn bằng bảng câu hỏi các đối tượng có liên quan đến đề tài.
- Thu thập thông tin qua các tài liệu, sổ sách, báo cáo, ấn phẩm của đơn vị, doanh nghiệp.



- Thu thập thông tin qua mạng internet; báo – tạp chí; các tài liệu, ấn phẩm của các cơ quan chính phủ, cơ quan nghiên cứu, các hiệp hội, các Viện nghiên cứu....

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Các bước thực hiện

Bước 1:

- Khoa triển khai kế hoạch TTTN và viết báo cáo TTTN; phổ biến mục tiêu, yêu cầu, các dạng đề tài cho các GVHD.
- Phân công giảng viên chuẩn bị đề cương hướng dẫn với từng dạng đề tài.
- Kiểm tra phần chuẩn bị.

Bước 2:

- Khoa phổ biến với sinh viên: Mục tiêu, yêu cầu của việc TTTN và viết báo cáo, các dạng đề tài.
- Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập (Theo các dạng đề tài đã đăng ký).
- Khoa cân đối số lượng sinh viên, số lượng đề tài đã đăng ký và phân công GVHD.

Bước 3:

- Giảng viên hướng dẫn sinh viên lập đề cương thực tập.
- Giảng viên sắp xếp thời gian để làm việc và hướng dẫn sinh viên trong thời gian thực tập.
- Sinh viên thực tập và viết báo cáo TTTN.

Bước 4: Đánh giá đề tài

5.2. Điều hành chương trình thực tập và viết báo cáo TTTN

5.2.1. Hội đồng thực tập và viết báo cáo TTTN

- | | | |
|--------------------------|---|----------|
| - TS. Đoàn Liêng Diẽm | : | Chủ tịch |
| - Cô Hoàng Bích Ngọc | : | Thư ký |
| - Các ủy viên gồm | : | |
| 1) ThS. Nguyễn Văn Bình | | |
| 2) ThS Vũ Thu Hiền | | |
| 3) ThS Phan Thanh Vịnh | | |
| 4) ThS Phùng Vũ Bảo Ngọc | | |
| 5) ThS Lê Thị Lan Anh | | |

5.2.2. Danh sách GVHD

Căn cứ vào số lượng và lĩnh vực đề tài sinh viên đăng ký, Khoa phân công GVHD sinh viên thực tập và làm báo cáo TTTN. Danh sách GVHD gồm:

- TS. Đoàn Liêng Diễm
- ThS. Nguyễn Văn Bình
- ThS. Vũ Thu Hiền
- ThS. Phan Thanh Vịnh
- ThS Phùng Vũ Bảo Ngọc
- ThS Lê Thị Lan Anh

5.3. Liên hệ đơn vị thực tập và đăng ký đề tài

5.3.1. Yêu cầu đơn vị thực tập:

- Đối với sinh viên đại trà: Khách sạn 3 sao trở lên, nhà hàng từ trung cấp trở lên.
- Đối với sinh viên chất lượng cao: Khách sạn 4 sao trở lên, nhà hàng cao cấp độc lập hoặc nhà hàng trong khách sạn 4 sao trở lên. Nếu sinh viên chưa liên hệ được đơn vị thực tập có thể báo cáo với Bộ môn để được giúp đỡ.

5.3.2. Thời gian liên hệ và đăng ký đề tài:

- Sinh viên chủ động liên hệ đơn vị thực tập sau đó lấy giấy giới thiệu tại Khoa Du lịch từ ngày 12/10 – 16/10/2020 (Nếu cần).
- Sinh viên đăng ký lĩnh vực đề tài cho lớp trưởng, lớp trưởng tổng hợp danh sách theo mẫu khoa gửi, nộp về văn phòng Khoa chậm nhất đến **ngày 10/10/2020**. Sau ngày này, những sinh viên không đăng ký lĩnh vực đề tài, Khoa sẽ chỉ định lĩnh vực đề tài.

5.4. Thời gian hướng dẫn sinh viên thực tập và viết báo cáo TTTN

- Giảng viên đăng ký với Thư ký hội đồng (Thư ký khoa) lịch trình hướng dẫn sinh viên trước ngày 10/10/2020, đồng thời tổ chức hướng dẫn sinh viên thực tập, viết báo cáo TTTN, chấm và công bố điểm theo lịch trình đăng ký từ ngày 19/10/2020 đến ngày 22/01/2021.
- Sinh viên triển khai thực tập và viết báo cáo TTTN theo kế hoạch này, theo sự hướng dẫn của giảng viên. Cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung công việc
Từ 12/10 đến 16/10/2020	Sinh viên gặp GVHD để GVHD tập huấn cho sinh viên về thực tập: Chọn đề tài, lịch trình thực tập, các quy định về thực tập, hướng dẫn viết và đánh giá báo cáo TTTN.
Từ 19/10 đến 09/11/2020	+ Sinh viên (SV) xây dựng đề cương. + GVHD sửa đề cương sơ bộ và chi tiết.



	+ SV nộp đè cương và đăng ký tên đè tài chính thức (theo mẫu của khoa) cho GVHD, GVHD nộp về Khoa (có chữ ký xác nhận của GVHD và SV).
Từ 10/11 đến 26/12/2020	+ SV thu thập tài liệu thứ cấp và sơ cấp. + Xử lý số liệu sơ cấp và thứ cấp. + Viết bản thảo báo cáo thực tập. + GVHD sửa bản thảo.
Từ 27/12/2020 đến 02/01/2021	SV chỉnh sửa bản thảo - Viết bản chính thức
Từ 03/01 đến 09/01/2021	SV nộp bản chính thức. Hạn cuối SV nộp bản chính thức là 09/01/2021
10/01 – 14/01/2021	GVHD chấm báo cáo TTTN (Vòng 1). GVHD nộp kết quả điểm báo cáo TTTN về cho Khoa.
15/01 – 19/01/2021	Giảng viên phản biện chấm báo cáo TTTN (Vòng 2), thống nhất kết quả và nộp về cho Khoa.
20/01 – 22/01/2021	Khoa nộp điểm về trường.

6. NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

6.1. Nhiệm vụ của GVHD

- GVHD có trách nhiệm quản lý về chuyên môn cũng như tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của sinh viên trong quá trình thực tập và làm báo cáo TTTN.
- **Tối đa sau 4 tuần** từ khi bắt đầu thời gian chính thức viết báo cáo, GVHD nộp danh sách đăng ký đè tài, đơn vị thực tập (theo mẫu của khoa) và **đè cương chi tiết** của sinh viên về Khoa.
- GVHD có trách nhiệm đăng ký lịch trình hướng dẫn thực tập với Thư ký hội đồng (Thư ký khoa) để quản lý sinh viên trong thời gian thực tập và viết báo cáo TTTN. GVHD phải bố trí gặp trực tiếp sinh viên ít nhất 6 lần (1 tuần 1 lần không kể liên lạc qua email, điện thoại...) để hướng dẫn sinh viên. Trường hợp thay đổi lịch phải thông báo cho sinh viên.
- Hướng dẫn sinh viên thực tập, viết báo cáo TTTN theo kế hoạch.
- Phản ánh tình hình thực tập và viết báo cáo TTTN của sinh viên kịp thời cho Hội đồng điều hành và ghi vào phiếu Nhật ký báo cáo TTTN.

- GVHD quản lý phiếu Nhật ký báo cáo TTTN và sẽ bàn giao cho Thư ký hội đồng khi kết thúc thời gian thực tập và viết báo cáo TTTN.
- GVHD cần chỉ định danh mục và số lượng các tài liệu tham khảo bắt buộc sinh viên cần phải tham khảo.
- Đối với các sinh viên vi phạm đến mức phải đình chỉ thực tập, GVHD sẽ lập danh sách gửi về Hội đồng điều hành để xử lý.
- Công bố điểm đánh giá quá trình cho sinh viên ngay trước khi sinh viên nộp báo cáo. Nhận xét, đánh giá và chấm điểm báo cáo cho sinh viên theo quy định của kế hoạch này
- Quyền lợi của GVHD được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trong thời gian thực tập tại đơn vị, Sinh viên phải tuân thủ các chế độ qui định của đơn vị thực tập về giờ giấc, chế độ bảo mật và an toàn lao động. Khi đến đơn vị thực tập, Sinh viên phải ăn mặc sạch đẹp, lịch sự, giao tiếp lễ phép, hòa nhã với cán bộ, nhân viên tại nơi thực tập. Nếu vi phạm, đơn vị thông báo về Hội đồng điều hành xử lý theo đúng quy định.
- Sinh viên không được tự ý vắng mặt tại đơn vị thực tập hoặc các buổi gặp GVHD mà không có lý do chính đáng. Sinh viên vắng mặt quá 3 lần các buổi gặp với GVHD mà không thông báo với GVHD hoặc với Hội đồng điều hành sẽ bị đình chỉ thực tập và nhận điểm 0 của điểm báo cáo TTTN (Các trường hợp khác trình Khoa để xem xét giải quyết).
- Sinh viên không được tự ý thay đổi đơn vị thực tập hoặc thay đổi GVHD khi chưa được sự đồng ý của GVHD và Hội đồng điều hành, không được thay đổi đè tài hoặc đơn vị thực tập sau 4 tuần thực tập.
- Sau 2 tuần thực tập, nếu Sinh viên không đến gặp GVHD hoặc không đến địa điểm thực tập sẽ phải dừng tiến độ thực tập và nhận điểm 0 của điểm báo cáo TTTN.
- Sinh viên sẽ đăng ký với GVHD tên đè tài sau 3 tuần kể từ ngày bắt đầu thực tập. Các đè tài báo cáo trùng tên phải chọn lại tên đè tài trong vòng 1 tuần kế tiếp để kịp tiến độ và thời gian thực hiện viết báo cáo TTTN theo yêu cầu.
- Kết thúc thực tập, sinh viên phải nộp 02 bản in Báo cáo TTTN có giấy nhận xét của đơn vị thực tập (Về số liệu, nội dung thực tập, tác phong, đạo đức, kỷ luật... có ký tên và đóng dấu của đơn vị thực tập), phiếu nhận xét – chấm điểm của giảng viên



(theo mẫu), 01 bản Nhật ký gấp giảng viên có chữ ký của GVHD và sinh viên (theo mẫu) kèm theo 01 đĩa CD có nội dung của báo cáo tốt nghiệp về Khoa.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

* Lưu ý: Giảng viên và sinh viên xem kế hoạch hướng dẫn thực tập, viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và các mẫu phục vụ viết báo cáo tốt nghiệp tại website: khoadulich.ufm.edu.vn/Sinh viên/Thực tập tốt nghiệp.

- Thực tập và viết báo cáo TTTN được xem là một học phần có khối lượng tương đương 14 tín chỉ.

- Kết quả thực tập của sinh viên được đánh giá qua quá trình thực tập và thực hiện báo cáo như các học phần khác trong chương trình đào tạo. Điểm đánh giá cuối cùng là điểm trung bình chung của 2 thành phần: Điểm đánh giá quá trình và điểm viết báo cáo TTTN.

- **Điểm đánh giá TTTN:**

+ Điểm đánh giá quá trình chiếm 40% (do GVHD quyết định) và điểm báo cáo TTTN chiếm 60% (Do 02 giảng viên chấm). Các thành phần điểm được thông báo cho sinh viên và giảng viên biết khi thực hiện viết báo cáo.

+ Các điểm thành phần của báo cáo (Bao gồm: điểm đánh giá quá trình thực tập và điểm viết báo cáo TTTN) được chấm theo thang điểm 10 (mười), làm tròn đến phần nguyên.

+ Báo cáo được chấm qua 2 vòng độc lập: Vòng 1 do GVHD chấm, vòng 2 do Giảng viên phản biện chấm. Kết quả chấm phần viết báo cáo của 2 giảng viên nếu có sự chênh lệch:

* Không quá 1,0 điểm: điểm đánh giá phần viết báo cáo là điểm trung bình cộng của 2 giảng viên chấm.

* Quá 1,0 điểm: 2 giảng viên chấm đối thoại và thống nhất để lấy điểm số cuối cùng; nếu không thống nhất được thì Trưởng khoa/ Bộ môn chấm lại độc lập và điểm đánh giá phần viết báo cáo là điểm trung bình cộng của 3 giảng viên chấm.

+ Điểm đánh giá báo cáo TTTN là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá quá trình thực tập và điểm viết báo cáo, theo thang điểm 10 (mười), có điểm lẻ, làm tròn đến 0,25 và quy về thang điểm chữ theo quy định hiện hành.

+ Điểm báo cáo TTTN được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.



+ Sinh viên có báo cáo tốt nghiệp bị điểm D, F+, F phải đăng ký làm lại ở các học kỳ tiếp sau. Điểm đánh giá báo cáo đạt là từ điểm D+ trở lên sau khi quy đổi điểm sang thang điểm chữ (hoặc 1,5 điểm trở lên theo thang điểm 4).

- **Hội đồng điều hành thực tập và viết báo cáo TTTN sẽ tiến hành đánh giá** trước khi công bố điểm chính thức các trường hợp sau:

+ Những báo cáo có điểm dưới 5 và điểm ≥ 9 .

+ Những báo cáo có nội dung giống nhau (Từng phần hoặc toàn bộ).

+ Những báo cáo sao chép (Từng phần hoặc toàn bộ) các báo cáo khác (Của nhà trường hoặc trường khác).

+ Nội dung báo cáo trùng lặp với các chuyên đề đã thực hiện trước đó.

Việc đánh giá điểm quá trình và điểm viết báo cáo TTTN được quy định như sau:

7.1. Đánh giá điểm quá trình:

Điểm đánh giá quá trình thực tập và làm báo cáo TTTN do GVHD thực hiện và được quy định như sau: (Thang điểm 10)

7.1.1. Đăng ký đề tài và nộp đề cương chi tiết báo cáo đúng hạn và phù hợp với lĩnh vực đăng ký cho GVHD: **2 điểm**.

- Mỗi lần trễ hạn (Sau tuần thứ 3): **trừ 0,5 điểm**
- Thay đổi đề tài sau tuần thứ 3 nhưng không quá tuần thứ 4 kể từ thời gian bắt đầu gấp GVHD (trừ trường hợp đề tài bị trùng) **trừ 0,5 điểm**

7.1.2. Hoàn thành các nội dung (Mở đầu, các chương, kết luận...) đúng hạn và phù hợp với đề cương đã được GVHD chấp nhận (duyệt): **4 điểm**.

- Mỗi lần nộp trễ hạn từng nội dung do GVHD án định: **trừ 0,5 điểm**
- Mỗi lần chỉnh sửa nội dung chưa phù hợp với yêu cầu: **trừ 0,5 điểm**
- Kết cấu chương, mục chưa hợp lý: **trừ 0,5 điểm**
- Mỗi lần chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu: **trừ 0,5 điểm**

7.1.3. Chuyên cần và thái độ: **4 điểm**.

- Mỗi buổi sinh viên vắng mặt không được sự cho phép của GVHD: **trừ 1,0 điểm**
- Sinh viên vắng mặt quá 3 lần bị đánh giá là: **0 điểm**
- Sinh viên gấp giảng viên đủ số buổi theo quy định nhưng không nộp báo cáo thì điểm quá trình tối đa là: **7 điểm**

Sinh viên bắt buộc phải gấp trực tiếp giảng viên ít nhất 6 buổi trở lên (không kể liên lạc qua email, điện thoại...) để được hướng dẫn.

7.2. Đánh giá điểm viết báo cáo TTTN:

Điểm đánh giá viết báo cáo do 02 giảng viên chấm độc lập (GVHD và giảng viên được phân công phản biện). Điểm viết báo cáo là điểm trung bình cộng của 02 giảng viên và được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,25 và được đánh giá như sau:

1. Bố cục: **1.5 điểm**

2. Hình thức: **1.5 điểm**

Trong đó, mỗi tiêu chuẩn dưới đây đánh giá tối đa 0,5 điểm:

2.1. Trình bày báo cáo đúng quy định, hình thức đẹp (font chữ, size chữ; căn hàng, căn lề... theo quy định);

Báo cáo tốt nghiệp được trình bày một mặt trên khổ giấy A4, soạn thảo bằng MS. Word, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, không dãn chữ, dãn dòng 1,5 lines, lề trên: 2 cm, lề dưới: 2 cm, lề trái: 3,5 cm, lề phải: 2 cm, **số trang tối thiểu: 50 trang** (Không bao gồm phần mục lục, phụ lục, tài liệu tham khảo).

2.2. Văn phong mạnh lạc, không lỗi kỹ thuật đánh máy, ít lỗi chính tả (bình quân dưới 01 lỗi/trang)

2.3. Tài liệu tham khảo để viết báo cáo tốt nghiệp có ít nhất **5 cuốn sách** và các tạp chí chuyên ngành.

Trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo và danh mục tài liệu tham khảo đúng thứ tự như sau: Tên tác giả (xếp theo thứ tự ABC, Việt Nam sắp theo tên, nước ngoài sắp theo họ), (năm xuất bản), tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản. (VD: Hồng Vân (2007), *Kinh doanh nhà hàng*, NXB Trẻ, TP.HCM). Sắp theo thứ tự tài liệu của Việt Nam, đến tài liệu của nước ngoài, đến đường link website.

3. Phần trình bày nội dung:

3.1. TRÌNH BÀY PHẦN ĐẦU

Báo cáo TTTN (Sau đây gọi chung là báo cáo) phải được trình bày rõ ràng, không có vết tẩy xóa, có đánh số trang, số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Một báo cáo được trình bày theo bố cục sau đây:

- Trang bìa: Sử dụng bìa cứng (bìa chính) và bìa phụ: Trình bày theo mẫu của khoa.
- Trang Lời cảm ơn: Có thể ghi lời cảm ơn đối với cơ quan đỡ đầu công trình hoặc cá nhân (GV hướng dẫn, cá nhân nào đó tại doanh nghiệp... Phần này không bắt buộc).
- Trang Cam đoan.
- Trang Nhận xét, đánh giá của đơn vị thực tập.

- Trang Nhận xét, chấm điểm của giáo viên hướng dẫn (theo mẫu của khoa).
- Trang Tóm tắt đề tài: **SV bắt buộc phải làm** (Đối với sinh viên chất lượng cao bắt buộc phải tóm tắt bằng tiếng Anh)
- Trang Mục lục.
- Trang Danh mục:
 - Danh mục chữ viết tắt: Liệt kê theo thứ tự A, B, C.
 - Danh mục bảng.
 - Danh mục biểu đồ.
 - Danh mục hình.

3.2. TRÌNH BÀY PHẦN NỘI DUNG CHÍNH

Sinh viên chọn viết đề tài nghiên cứu theo 2 phương pháp đánh giá sau:

3.2.1. Đánh giá theo định tính: gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận

Chương 2: Thực trạng/Thực tiễn

Chương 3: Giải pháp

Ngoài 3 chương phải có phần mở đầu và kết luận

Chi tiết như sau:

Mở đầu:

1 điểm

- Lý do chọn đề tài được trình bày rõ ràng và có tính thuyết phục
- Mục tiêu nghiên cứu được xác định đầy đủ và chính xác
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu được xác định phù hợp
- Phương pháp nghiên cứu được xác định phù hợp

Chương 1: Cơ sở lý thuyết (thường gọi là lý luận) của đề tài nghiên

cứu:

1.5 điểm

- Có đầy đủ cơ sở lý thuyết
- Các nội dung được trình bày rõ ràng, chính xác
- Kết cấu chặt chẽ và trình bày các nội dung phù hợp với chủ đề nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở thực tiễn của đề tài nghiên cứu: 2 điểm

- Nội dung phân tích, đánh giá kết nối (vận dụng) chặt chẽ với cơ sở lý thuyết
- Nội dung phân tích, đánh giá có tính chuyên sâu, tính sáng tạo
- Kết quả phân tích, đánh giá được luận giải rõ ràng và logic

- Số liệu sử dụng phân tích, đánh giá đầy đủ, phong phú và có độ tin cậy

Chương 3: Các giải pháp (chiến lược): 2 điểm

- Vận dụng kỹ thuật hoạch định các giải pháp (chiến lược) hợp lý
- Có đầy đủ các giải pháp (chiến lược) cần thiết
- Nội dung các giải pháp bám sát kết quả phân tích, đánh giá cơ sở thực tiễn
- Kiến nghị

Kết luận 0.5 điểm

3.2.2. Đánh giá theo định lượng: gồm 5 chương

Chương 1: Tổng quan đề tài/Giới thiệu nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Chương 3: Thiết kế nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Chương 5: Kết luận và kiến nghị

Chi tiết như sau:

Chương 1: Giới thiệu nghiên cứu: 1 điểm

- Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu
- Tình hình nghiên cứu đề tài
- Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài
- Bố cục của báo cáo

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu: 1.5 điểm

- Cơ sở lý thuyết
- Mô hình nghiên cứu

Chương 3: Thiết kế nghiên cứu: 1 điểm

- Quy trình nghiên cứu
- Lấy mẫu nghiên cứu
- Giả thuyết nghiên cứu, thang đo và bảng câu hỏi

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận: 1.5 điểm

- Giới thiệu về đơn vị
- Thông tin về mẫu khảo sát
- Kết quả thống kê mô tả



- Kiểm định thang đo

- Phân tích kết quả

Chương 5: Kết luận và kiến nghị:

2 điểm

- Kết luận nghiên cứu

- Kiến nghị giải pháp

- Hạn chế của đề tài và hướng nghiên cứu tiếp theo

3.3. TRÌNH BÀY PHẦN CUỐI

- Tài liệu tham khảo để viết báo cáo tốt nghiệp có ít nhất **5 cuốn sách** và các tạp chí chuyên ngành.
- Phụ lục: tài liệu, số liệu liên quan (nếu có).

7.3. Xử lý vi phạm

- Không có giấy xác nhận/nhận xét của đơn vị thực tập khi đến hạn nộp báo cáo (trừ vào điểm quá trình):

+ Dưới 3 ngày trừ 1 điểm

+ Quá 3 ngày đến 5 ngày: trừ 2 điểm

- Copy bài trên 70% chỉ được **1 điểm toàn bài**

- Bài báo cáo TTTN của sinh viên **không đủ 50 trang** chỉ được tối đa **5 điểm**

- Những trường hợp sinh viên đi thực tập không đúng thời gian trong Kế hoạch TTTN sẽ không được tính điểm bài báo cáo (Thời gian dựa trên phiếu nhận xét của đơn vị thực tập).

BAN GIÁM HIỆU ✓

PHÓ VIÊU TRƯỞNG
Duyệt

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH -
MARKETING



TS. Lê Trung Đạo

TRƯỞNG KHOA ✓

TS. ĐOÀN LIÊNG DIỄM